TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2020
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Lãm;

Bà Nguyễn Thị Ngưng

***- Thư ký Phên tòa*:** Ông Đỗ Cao Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia Phên toà: Ông Trần Văn Nhiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, về việc: "Tranh chấp về không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- Chị Trần Thị Thùy L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P quen biết nhau một thời gian và về chung sống với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, cách đây khoảng 4 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P có quan hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, có lần chị bắt gặp anh P đi với người phụ nữ khác, về nhà kiếm chuyện gây gỗ với chị, chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi. Từ tháng 6 năm 2019 vợ chồng ly thân với nhau mặt dù sống chung nhà nhưng không ai nói chuyện

tới ai, không ai quan tâm chăm sóc tới ai. Sự chịu đựng của mỗi người đều có giới hạn, Nay chị thấy không thể nào tiếp tục chung sống với anh Nguyễn Văn P được nữa, mục đích hôn nhân không thể kéo dài, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết không công nhân chị và anh P là vợ chồng.

- Về con chung: Chị và anh P có 02 người con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 24/4/1995 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 16/12/1999. Hiện tại, con chung đang sống chung với chị. Do con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị L không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Bị đơn – Anh Nguyễn Văn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh P thừa nhận lời trình bày của chị L là đúng, anh đề nghị Tòa án không công nhận giữa anh và chị L là vợ chồng.

- Về con chung: Theo lời khai của chị L là đúng, anh thống nhất con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra anh P không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, đã chấp hành tốt những qui định pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm nội qui phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 71; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thùy L. Không công nhận chị Trần Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng.

- Về con chung: Do con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Chị L và anh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

- Về yêu cầu khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn P tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P chung sống với nhau từ năm 1994, mặc dù đã có con chung nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, thì không công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị L và anh P có hai người con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 24/4/1995 và Nguyễn Văn K, sinh ngày 16/12/1999. Khi ly hôn, chị L và anh P thống nhất do con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Chị L và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P không có yêu cầu nên không xem xét ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 71; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Thùy L và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng.

2. Về con chung: Do con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Chị L và anh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Thùy L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0014192 ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Chị L đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn P không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị L, anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- C.c THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa Pên toà

Nguyễn Hoài Tâm